

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 36/2023/CV-ĐTKD ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Công ty TNHH Hana Micron Vina về việc bổ sung, chỉnh sửa báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất Hana Micron Vina” và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Hana Micron Vina, địa chỉ tại một phần lô CNSG-02, Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất Hana Micron Vina” có địa chỉ tại một phần lô CNSG-02, Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất Hana Micron Vina.

1.2. Địa điểm hoạt động: Một phần lô CNSG-02, Khu công nghiệp (KCN) Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400868884 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 7 năm 2019, thay đổi lần thứ 7 ngày 25 tháng 8 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3227335515 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 7 năm 2019, chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 26 tháng 6 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 2400868884.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, kinh doanh linh kiện điện tử, gia công bảng vi mạch tích hợp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của cơ sở: 65.890 m<sup>2</sup>.
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Công suất:
  - + Sản xuất, gia công bảng vi mạch tích hợp: 400.000.000 sản phẩm/năm.
- Quy trình công nghệ sản xuất bảng vi mạch tích hợp gồm các công đoạn sau:
  - + Công đoạn chuẩn bị chip: Nguyên liệu đầu vào (tấm Wafer) → Kiểm tra → Dán phim bảo vệ → Cắt laser → Mài → Dán tape dính → Cắt → Kiểm tra linh kiện → Chuyển sang công đoạn lắp ráp.
  - + Gắn chip và kết nối:
    - Gắn chip DA: Khắc PCB → Gắn chip vào PCB → Sấy → Vệ sinh → Gắn dây vàng → Kiểm tra.
    - Gắn chip FC: Hàn gắn chip và PCB → Sấy → Làm sạch → Kiểm tra.
  - + Phủ lớp cách điện và khắc ký tự lên bảng mạch in:
    - Bảng mạch đã gắn chip → Phủ EMC cách điện → Sấy → Khắc ký tự lên bảng mạch → Cắt nhỏ PCB → Kiểm tra.
  - + Kiểm tra sản phẩm: Kiểm tra độ dẫn điện → Kiểm tra độ chịu nhiệt → Kiểm tra hiệu suất hoạt động → Thành phẩm → Đóng gói → Lưu kho.
  - + Kiểm tra sản phẩm: Kiểm tra độ dẫn điện → Kiểm tra độ chịu nhiệt → Kiểm tra hiệu suất hoạt động.
  - + Công đoạn hoàn thiện sản phẩm: Gắn PCB lên JIG (giá đỡ) → Hàn tụ điện vào PCB → Kiểm tra → Tách PCB khỏi JIG → Phủ Epoxy → Sấy → Gắn nhãn → Cắt line → Kiểm tra → Đóng gói → Lưu kho, xuất bán.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

- 2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hana Micron Vina:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Hana Micron Vina có trách nhiệm:
  - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc phát sinh nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.

(từ ngày ..... tháng ..... năm 2023 đến ngày ..... tháng ..... năm 2030).

**Điều 4.** Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bắc Giang (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang;
- Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH Hana Micron Vina;
- Lưu: VT, KSONMT, L<sub>12</sub>.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Tuấn Nhân**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Vân Trung, không xả trực tiếp ra môi trường.

- TNHH Hana Micron Vina (Công ty) đã có thoả thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Vân Trung với Công ty Cổ phần S&G (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm của Khu công nghiệp Vân Trung) theo điểm 2 của Biên bản thoả thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật tại Khu công nghiệp Vân Trung ngày 06 tháng 9 năm 2022 với Công ty Cổ phần S&G.

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các khu vực nhà vệ sinh của nhà xưởng sản xuất, khu nhà văn phòng, nhà bảo vệ, nhà ăn, khu bếp được xử lý sơ bộ qua 11 bể tự hoại 03 ngăn (tổng dung tích thiết kế 191,2 m<sup>3</sup>), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất thiết kế 300 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý, đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Vân Trung.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động ăn uống tại khu căn-tin được xử lý sơ bộ qua 02 bể tách mỡ 02 ngăn (dung tích 08 m<sup>3</sup>/bể), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất thiết kế 300 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý, đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Vân Trung.

Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày đêm được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Vân Trung tại điểm đầu nối nước thải sinh hoạt có toạ độ: X=2350328; Y= 411641 (Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107°00', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ quá trình De-ion, nước thải phát sinh từ công đoạn mài wafer và công đoạn làm sạch bản mạch, nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải được thu gom vào hệ thống các bể thu gom, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung có công suất thiết kế 1.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Vân Trung.

Nước thải công nghiệp sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Vân Trung tại điểm đầu nối nước thải sản xuất có toạ độ: X= 2350029; Y= 411595 (Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107°00', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

### 1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung có công suất thiết kế 300 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau các công trình xử lý sơ bộ (bể tự hoại 03 ngăn, bể tách mỡ) → Hệ thống thu gom → Ngăn tách rác → Bể điều hòa → Cụm bể sinh học thiếu khí → Cụm bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga đầu nối nước thải sinh hoạt → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Vân Trung.

- Công suất thiết kế: 300 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen (hoặc vật liệu và hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý không phát sinh thêm chất ô nhiễm và đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Vân Trung).

### 1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất có công suất thiết kế 1.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hòa A/B → Bể phản ứng 1 → Bể phản ứng 2 → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể xử lý nước → Bể lọc cát → Hồ ga đầu nối nước thải sản xuất → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Vân Trung.

- Công suất thiết kế: 1.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Phèn nhôm Al<sub>2</sub>(SO<sub>4</sub>)<sub>3</sub>; xút vảy 99%; NaOH 99%; Polymer Anion.

## 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

### 1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

### 1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, hệ thống xử lý nước thải sản xuất theo đúng quy trình, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và thực hiện bảo dưỡng định kỳ, thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp xử lý và kịp thời ứng phó sự cố theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của các công trình xử lý để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu vực xử lý.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành hệ thống xử lý.

- Định kỳ hàng năm kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, các công trình xử lý, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Trường hợp chất lượng nước thải sinh hoạt hoặc nước thải sản xuất sau xử lý không đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Khu công nghiệp Vân Trung, Công ty sẽ ngừng hoạt động xả nước thải ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp

để thực hiện các biện pháp khắc phục. Thực hiện bơm nước thải về lưu chứa tại bể sự cố dung tích 350 m<sup>3</sup> (bể sự cố được cải tạo từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt cũ công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm). Sau khi khắc phục xong sự cố của hệ thống xử lý nước thải, nước thải tại bể sự cố được bơm lại về 02 hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất thiết kế 300 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào: 01 vị trí tại bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt
- Nước thải đầu ra (sau xử lý): 01 vị trí tại bể khử trùng, xả của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của Khu công nghiệp Vân Trung.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày đêm theo quy định Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong thời gian ít nhất là 07 ngày liên tiếp) sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đạt yêu cầu tiếp nhận, đầu nổi nước thải của Khu công nghiệp Vân Trung, không xả thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đầu nổi hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Vân Trung theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại

khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Công ty TNHH Hana Micron Vina chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Vân Trung để tiếp tục xử lý; không xả nước thải ra môi trường.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI  
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ trạm thao tác tại công đoạn kiểm tra thành phẩm.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ thiết bị hàn tự vào PCB tự động số 01
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ thiết bị hàn tự vào PCB tự động số 02.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ thiết bị hàn tự vào PCB tự động số 03.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ thiết bị hàn tự vào PCB tự động số 04.
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ thiết bị hàn tự vào PCB tự động số 05.
- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ thiết bị hàn tự vào PCB tự động số 06.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ trạm thao tác tại công đoạn kiểm tra thành phẩm (nguồn số 01). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2350150; Y = 411566.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ các thiết bị hàn tự vào PCB (các nguồn số 02, 03, 04, 05, 06 và nguồn số 07). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2350266; Y = 411471.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}00'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

Vị trí xả khí thải: Lô CNSG-02 KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất  $840 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất  $14.040 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục 24/24 giờ hoặc gián đoạn theo chế độ làm việc của Nhà máy.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B;  $K_p=1$ ,  $K_v=1$ ) trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
<b>I</b>	<b>Dòng khí thải số 01</b>				
1	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{giờ}$	-	3 tháng/lần theo đề xuất và cam kết của	Không áp dụng
2	$\text{H}_2\text{SO}_4$ , tính theo $\text{SO}_3$	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	50		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
3	HNO <sub>3</sub> , tính theo NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500	Công ty	
4	NO <sub>x</sub> , tính theo NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850		
<b>II Dòng khí thải số 02</b>					
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	3 tháng/lần theo đề xuất và cam kết của Công ty	Không áp dụng
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000		
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
4	NO <sub>x</sub> , tính theo NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850		
5	Đông và hợp chất, tính theo Cu	mg/Nm <sup>3</sup>	10		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải phát sinh từ các nguồn số 01 được thu gom bằng chụp hút, theo các đường ống về hệ thống xử lý khí thải công suất 840 m<sup>3</sup>/giờ để xử lý trước khi thải ra môi trường qua 01 ống thải.

- Khí thải phát sinh từ các nguồn số 02, 03, 04, 05, 06 và nguồn số 07 được thu gom, xử lý tại 06 bộ phận làm mát, ngưng tụ lắp đặt đồng bộ, tương ứng với 06 thiết bị hàn tụ vào PCB tự động theo đường ống gom khí thải chung và được quạt hút có công suất 14.040 m<sup>3</sup>/giờ đẩy ra ngoài môi trường qua 01 ống thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải từ trạm thao tác tại công đoạn kiểm tra thành phẩm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Ống dẫn khí → Tháp hấp thụ (sử dụng NaOH) → Quạt hút → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 840 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm theo quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này).

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải từ các thiết bị hàn tụ vào PCB:

- Số lượng: 06 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh từ các nguồn số 02, 03, 04, 05, 06 và nguồn số 07 → 06 Bộ phận làm mát, ngưng tụ → 06 Ống dẫn khí nhánh → 01 Ống gom khí thải chung → Quạt hút → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 14.040 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố khí thải

- Khi các hệ thống xử lý khí thải của các dây chuyền, thiết bị sản xuất gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này thì phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường không khí và thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Niêm yết các quy trình vận hành tại hệ thống xử lý khí thải tại khu vực xử lý.

- Định kỳ hàng năm thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải từ trạm thao tác tại công đoạn kiểm tra thành phẩm công suất 840 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải từ các thiết bị hàn tu vào PCB.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

- Vị trí 01: Tại ống thải khí thải sau xử lý của trạm thao tác tại công đoạn kiểm tra thành phẩm.

- Vị trí 02: Tại ống thải khí thải sau xử lý từ 06 thiết bị hàn tu vào PCB.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát chất ô nhiễm có trong dòng khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý khí thải) trong ít nhất 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định lấy mẫu: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả thải ra môi trường của mỗi công trình xử lý khí thải) trong ít nhất 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang theo quy định.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực phòng máy nén khí C.U.B 01 (khu vực xưởng sản xuất số 01).
- Nguồn số 02: Khu vực phòng máy nén khí C.U.B 02 (khu vực xưởng sản xuất số 01).
- Nguồn số 03: Khu vực máy thổi khí trạm xử lý nước thải công nghiệp.
- Nguồn số 04: Khu vực máy thổi khí trạm xử lý nước thải sinh hoạt 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.**

- Nguồn số 1: Tọa độ: X = 2350155; Y = 411448.
- Nguồn số 2: Tọa độ: X = 2350274; Y = 411453.
- Nguồn số 3: Tọa độ: X = 2350101; Y = 411436.
- Nguồn số 4: Tọa độ: X = 2350315; Y = 411610.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>00', múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Các máy móc thiết bị được thiết kế với các chân đế, bộ phận chống rung động đảm bảo theo quy định. Công ty thực hiện chế độ bảo dưỡng theo hướng dẫn và khuyến cáo của nhà sản xuất.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	50
2	Bóng đèn huỳnh quang hỏng và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	240
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	2.000
4	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	2.000
5	Ắc quy chì thải	19 06 01	1.000
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>			<b>5.290</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dung dịch nước tẩy rửa thải có thành phần nguy hại	07 01 06	2.500
2	Các chất thải khác có các thành phần nguy hại	07 01 10	500
3	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	100
4	Bùn thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	750.000
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	20.000
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất thải ra là CTNH) thải	18 01 02	6.000
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải ra là CTNH) thải	18 01 03	10.000
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	6.000
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>			<b>795.100</b>

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Gỗ vụn	240.000
2	Giấy bìa	65.000

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
3	Khay pet	27.400
4	Pallet nhựa	13.000
5	Xốp	2.000
6	Kim loại phế liệu	10.000
7	Nylon	500
8	Sản phẩm lỗi hỏng chủ yếu là các tấm wafer	120
9	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khác	250
	<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>	<b>358.270</b>

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 266 tấn/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng composite có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 30 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Tường bao quanh bằng gạch, có mái che bằng tôn, mặt sàn kín khít, có gờ chống tràn để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có thiết bị phòng cháy chữa cháy; có rãnh và hố thu gom chất lỏng chảy tràn; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Không

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Số lượng: 02 kho

- Diện tích: 30 m<sup>2</sup>/kho.

- Kết cấu: Tường xây bằng gạch, nền xi măng, mái lợp tôn.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 30 m<sup>2</sup>

- Kết cấu: Tường xây bằng gạch, nền xi măng, mái lợp tôn.

### **2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
4. Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.
5. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

1. Các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường của cơ sở còn tiếp tục thực hiện theo nội dung Quyết định số 1171/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, bao gồm các nội dung như sau:

1.1. Tiếp tục đầu tư, lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất cho giai đoạn mở rộng của cơ sở theo Quyết định số 1171/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2022, cụ thể như sau:

<b>TT</b>	<b>Tên máy móc thiết bị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Năm sản xuất</b>	<b>Tình trạng hoạt động</b>	<b>Xuất xứ</b>
1	Máy dán tape	3	2022	Mới 100%	Nhật Bản
2	Máy mài	8	2022	Mới 100%	Nhật Bản
3	Máy cắt Wafer	20	2022	Mới 100%	Nhật Bản
4	Máy kéo dẫn Wafer	4	2022	Mới 100%	Nhật Bản
5	Máy đẩy Wafer	4	2022	Mới 100%	Nhật Bản
6	Máy gắn dây vàng	62	2022	Mới 100%	Hàn Quốc
7	Máy gắn chip	42	2022	Mới 100%	Nhật Bản
8	Máy Plasma	4	2022	Mới 100%	Nhật Bản
9	Máy sấy	20	2022	Mới 100%	Nhật Bản
10	Máy phủ EMC	5	2022	Mới 100%	Hàn Quốc
11	Máy cắt PCB	6	2022	Mới 100%	Hàn Quốc
12	Máy kiểm tra hàng cắt	5	2022	Mới 100%	Hàn Quốc
13	Máy kiểm tra ngoại quan	15	2022	Mới 100%	Hàn Quốc
14	Máy kiểm tra AOI	2	2022	Mới 100%	Hàn Quốc
15	Máy chiếu tia UV	2	2022	Mới 100%	Hàn Quốc

16	Máy khắc laser	2	2022	Mới 100%	Hàn Quốc
17	Máy chính	2	2022	Mới 100%	Hàn Quốc
18	Thiết bị X ray	1	2022	Mới 100%	Hàn Quốc
19	Thiết bị thử nghiệm độ dẫn điện	3	2022	Mới 100%	Hàn Quốc
20	Thiết bị thử nghiệm nhiệt nóng	30	2022	Mới 100%	Hàn Quốc
21	Thiết bị thử nghiệm nhiệt lạnh	15	2022	Mới 100%	Hàn Quốc
22	Thiết bị thử nghiệm hiệu suất hoạt động	8	2022	Mới 100%	Hàn Quốc
23	Thiết bị gắn PCB lên JIG	6	2022	Mới 100%	Hàn Quốc
24	Thiết bị hàn tụ vào PCB	7	2022	Mới 100%	Hàn Quốc
25	Thiết bị cắt, gắn nhãn PCB	15	2022	Mới 100%	Hàn Quốc

### 1.2. Các biện pháp bảo vệ môi trường

- Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình lắp đặt thiết bị đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu nằm trong giới hạn cho phép quy định.

- Trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị, vận hành toàn bộ cơ sở, phải áp dụng triệt để các biện pháp kỹ thuật nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực, xử lý các nguồn thải phát sinh có khả năng gây ảnh hưởng đến các nhà máy xung quanh Khu công nghiệp Vân Trung và người dân sống xung quanh khu vực cơ sở.

2. Sau khi hoàn thành lắp đặt các hạng mục, công trình nêu trên, Công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất. Thực hiện kế hoạch, phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

4. Nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.